

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67 /2019/DS-ST
Ngày: 11 - 6 - 2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm

Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2019/TLST- DS ngày 17 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Như L, sinh năm: 1974;

Ông Lê Thanh P, sinh năm: 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Thanh P: Bà Lê Thị Như L (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 05/3/2019)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1965;

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

(Bà L và chị A có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2019 và quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Như L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Thanh P trình bày:

Bà L và ông P khởi kiện chị A yêu cầu chị A trả số tiền nợ vay là 150.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2018 (âm lịch), nội dung trong giấy tay là do chị A viết và ký tên. Tuy nhiên dòng chữ “Vợ chồng” và dòng chữ “Lê Thị Như L + Lê Thanh P” là do bà L viết. Thời gian vay là 01 tháng, về lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng nhưng không có ghi trong giấy mượn tiền. Chị A có đóng được cho vợ chồng bà L 02 tháng lãi với tổng số tiền là 18.000.000 đồng, mục đích chị A vay tiền là để trả nợ ngân hàng. Đến hạn trả tiền vợ chồng bà L có nhiều lần yêu cầu chị A trả nhưng đến nay chị vẫn không trả tiền cho vợ chồng bà L.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị A cho rằng số tiền vay này chồng chị không biết vì chị vay để cho mẹ chị là bà T trả nợ ngân hàng. Do vậy, nên ngày 12/3/2019 bà L

và ông P có đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới cùng chị A trả số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Các tài liệu chứng cứ bà L đã nộp cho Tòa án để chứng minh số tiền chị An mượn đề ngày 10/8/2019 không có liên quan đến giấy mượn tiền của bà T đề ngày 29/9/2019;

- 01 Giấy mượn tiền đề ngày 28 tháng 2 năm 2018, trong giấy có ghi số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) và mục người mượn tiền có chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Hồng T. Phía dưới góc trái có dòng chữ “Nguyễn Thị Thúy A đã nhận đủ tiền trả xong” và trên giấy có đánh dấu chéo (Bản chính);

- 01 Giấy mượn tiền đề ngày 29 tháng 3 năm 2018, trong giấy có ghi số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) và mục người mượn tiền có chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Hồng T. Phía dưới góc trái có dòng chữ “Nguyễn Thị Thúy A đã nhận đủ tiền” và trên giấy có gạch chéo và đánh chữ “R” (Bản chính);

- 01 Giấy mượn tiền đề ngày 29 tháng 7 năm 2018, trong giấy có ghi số tiền 150.000.000 (Một trăm năm chục triệu) và mục người mượn tiền có chữ ký ghi tên Nguyễn Thị Hồng T. Phía dưới góc trái có dòng chữ “A nhận đủ tiền” và trên giấy có đánh chữ “R” (Bản chính);

- 01 Giấy bán đất đề ngày 22/11/2018 dưới mục người mua có chữ ký và ghi Lê Thị Như L và dưới mục người bán có chữ ký và ghi Nguyễn Thị Hồng T (Bản chính).

Bà L xác định 03 giấy mượn tiền nêu trên tổng cộng là 450.00.000 đồng đã gộp lại thành một giấy mượn tiền đề ngày 29/9/2018, với số tiền 450.000.000 đồng: "Giấy mượn tiền đề ngày 29/9/2018 (DI), trong nội dung giấy có ghi số tiền là 450.000.000 đồng. Mục người cho mượn có chữ ký của bà Lê Thị Như L và mục người mượn tiền có chữ ký của bà Nguyễn Thị Hồng T. Số tiền này bà L và bà T đã giải quyết xong.

Bà L và ông P cùng có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị A và bà T phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền nợ vay là 150.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông P bà chỉ yêu cầu chị A và bà T liên đới trả số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng (vì trước đây bà đã nhận 18.000.000 đồng tiền lãi, số tiền này bà trừ vào số tiền nợ gốc 150.00.000 đồng theo biên nhận ngày 10/8/2018) và không yêu cầu tính lãi.

Theo các biên bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị Thúy A trình bày:

Chị A cho rằng có vay của ông P và bà L số tiền là 150.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên có làm giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2018 (âm lịch), nội dung trong giấy tay là do chị viết. Tuy nhiên dòng chữ “Vợ chồng” và dòng chữ “Lê Thị Như L + Lê Thanh P” là do bà L viết. Thời gian vay là 01 tháng, về lãi suất 6%/ tháng hai bên thỏa thuận bên ngoài không ghi vào biên nhận và chị có đóng được cho bà L 02 tháng tiền lãi với số tiền là 18.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để mẹ chị trả nợ ngân hàng, nên chị có ý kiến yêu cầu bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả số nợ còn thiếu của bà L và ông P.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị A trình bày do trước đó mẹ chị là bà Nguyễn Thị Hồng T có vay của bà L nhiều lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, vì chị và mẹ chị sống chung nhà nên vào ngày 29/9/2018 (DI) gộp số tiền 300.000.000 đồng của mẹ chị vay và số tiền 150.000.000 đồng của chị vay lại thành 450.000.000 đồng và làm lại giấy mượn tiền ngày 29/9/2018 (DI) xác định mẹ chị là bà T có vay của bà L số tiền 450.000.000 đồng. Bà L đã khởi kiện bà T số tiền bà T nợ 450.000.0000 đồng, tuy nhiên hai bên đã thỏa thuận bà T chuyển nhượng đất cho bà L để trừ nợ nên bà L rút đơn và

Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Bà T đã chuyển nhượng cho bà L một phần đất với số tiền là 750.000.000 đồng, bà L đưa tiếp cho bà T 400.000.000 đồng để bà T trả nợ ngân hàng và cộng với số tiền nợ vay là 450.000.000 đồng, tổng cộng là 850.000.000 đồng, trừ tiền bán đất là 750.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại của bà L là 100.000.000 đồng nhưng sau đó mẹ chị có trả tiếp cho bà L số tiền là 45.000.000 đồng. Hiện tại, chị và mẹ chị còn nợ của bà L số tiền là 55.000.000 đồng, chị đồng ý sẽ trả tiền cho bà L nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện quá khó khăn nên xin được trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng trả cho đến khi hết nợ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Bà T cho rằng chị A vay 150.000.000 đồng của vợ chồng bà L theo giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2018, để đem về cho bà trả nợ ngân hàng. Số tiền 150.000.000 đồng chị A vay của vợ chồng bà L đã được nhập vào số tiền bà vay của bà L trước đây rồi làm giấy tổng cộng chung là 450.000.000 đồng và bà đã ký nhận theo giấy mượn tiền ngày 29/9/2018 (Đl). Bà L đã khởi kiện bà tại Tòa án yêu cầu trả số tiền 450.000.000 đồng, nhưng sau đó hai bên thỏa thuận bà chuyển nhượng đất cho bà L để trừ nợ nên bà L rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Hiện tại bà T cho rằng bà và chị A chỉ còn nợ vợ chồng bà L số tiền 55.000.000 như lời trình bày của chị A, bà đồng ý liên đới cùng chị A trả số nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Lê Thị Như L và ông Lê Thanh P có đơn khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy A trả số nợ vay là 150.000.000 đồng. Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của bà L và ông P vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Do chị A có nơi cư trú tại xã L, huyện Giồng Trôm nên vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Hồng T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 29/3/2019. Xét đơn yêu cầu của bà T phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2]. Về nội dung: Bà L và ông P khởi kiện yêu cầu chị A trả số tiền vay là 150.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2018 (âl), thời gian vay là 01 tháng. Về lãi suất hai bên thỏa thuận là 6%/tháng, bà L đã nhận được hai tháng tiền lãi với số tiền là 18.000.000 đồng, mục đích chị A vay tiền là để cho mẹ chị A là bà T trả nợ ngân hàng. Hết hạn chị A chưa trả số nợ gốc nên bà L và ông P có yêu cầu chị A và bà T có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ là 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A thừa nhận có vay của bà L và ông P số tiền 150.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 10/8/2018 (âl) và xác nhận chưa trả nợ gốc. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Đối với phía bị đơn chị A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà T cho rằng số tiền 150.000.000 đồng chị A ký nhận có nợ ngày 10/8/2018 (âl) của bà L đã nhập chung với số nợ bà T theo giấy mượn tiền ngày 29/9/2018 (dl). Bà L đã khởi kiện bà T và sau đó bà T thỏa thuận được việc trả nợ nên bà L rút đơn khởi kiện, nhưng chị A và bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét. Nguyên đơn bà L cung cấp tài liệu chứng cứ là giấy mượn tiền ngày 29/9/2018 (dl) là nợ riêng của bà T không thể hiện việc nhập số tiền 150.000.000 đồng tiền nợ của chị A vào số nợ của bà T.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L và ông P là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Chị A cho rằng số tiền vay 150.000.000 đồng chị đem về để bà T trả nợ ngân hàng nên chị có ý kiến bà T cùng có trách nhiệm trả nợ với chị. Bà T cũng thừa nhận việc chị A bà vay tiền để cho bà trả nợ ngân hàng. Do vậy, theo yêu cầu của bà L và ông P yêu cầu chị An và bà T có trách nhiệm liên đới trả số nợ trên là phù hợp.

[6] Tại phiên tòa nguyên đơn bà L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông P trình bày bà chỉ yêu cầu chị A và bà T trả số tiền 132.000.000 đồng (vì trước đây bà đã nhận 18.000.000 đồng tiền lãi, bà trừ vào số tiền nợ gốc 150.00.000 đồng theo biên nhận ngày 10/8/2018) và không yêu cầu tính lãi. Do vậy, buộc chị A và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng theo yêu cầu của ông P và bà L. Ghi nhận bà L và ông P không có yêu cầu tính lãi.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do bà L và ông P được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên chị A và bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền 132.000.000 đồng $\times 5\% = 6.600.000$ đồng.

Hoàn trả cho bà L và ông P số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 147; các Điều 227, 28 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Như L và ông Lê Thanh P về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Thúy A và bà Nguyễn Thị Hồng T liên đới trả số tiền nợ gốc 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

2. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy A và bà Nguyễn Thị Hồng T liên đới trả cho bà Lê Thị Như L và ông Lê Thanh P số tiền nợ gốc 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại

khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc chị Nguyễn Thị Thúy A và bà Nguyễn Thị Hồng T phải liên đới nộp số tiền 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị Như L và ông Lê Thanh P đã nộp là 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000147 ngày 17/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Huệ